TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2023/DS-PT
Ngày 30-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 439/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 395/2023/QĐPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí H1, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 13/10/2022), (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên bà Nguyễn Thị L có nợ tiền hụi, trái cây của bà Lê Thị H, cụ thể như sau:

+ Ngày 09/10/2018, nợ số tiền 172.114.000 đồng;

+ Ngày 09/10/2018, nợ số tiền 74.500.000 đồng;

+ Ngày 30/8/2018, nợ số tiền 22.000.000 đồng;

+ Ngày 30/01/2019, nợ số tiền 49.400.000 đồng.

Ngày 06/01/2021, các bên xác nhận lại số nợ và bà L viết nhận nợ là 317.614.000 đồng. Thỏa thuận vay là 01 năm trả nợ, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Tuy nhiên, hết thời hạn thì bà L không trả tiền gốc, tiền lãi theo quy định.

Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L trả số tiền nợ gốc là 317.614.000 đồng và tiền lãi là 42.348.533 đồng, tổng cộng là 359.962.533 đồng.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L và bà H có quen biết nhau trong việc mua trái cây lâu năm. Quá trình mua bán trái cây thì bà L có nợ bà Hằng số tiền 50.000.000 đồng (nợ khoảng hơn 4 năm). Trong thời gian đó, bà L đã trả số tiền 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng cho bà H (nhưng không có giấy tờ chứng minh). Bà L xác nhận chữ ký L, chữ viết Nguyễn Thị L trên giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp ngày 06/01/2021 là của bà Nguyễn Thị L nhưng đó là không phải là do bà L nhận nợ số tiền 317.614.000 đồng mà đó là chữ ký bà L thừa nhận nợ khi mua trái cây của bà H. Nay, với yêu cầu của bà H thì bà L chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Hằng s tiền 359.962.533 đồng (ba trăm năm mươi chín triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 317.614.000 đồng (ba trăm mười bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng), tiền lãi là 42.348.533 đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 25/5/2023 bị đơn là bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận

một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Toàn bộ số nợ gốc 317.614.000 đồng là nợ hụi, nợ vay, nợ tiền mua bán trái cây nhưng nguyên đơn không xác định được nợ từng phần là bao nhiêu vì đây là các khoản nợ trước năm 2019, khi bà L không còn bán trái cây nữa nên hai bên mới chốt nợ và ghi giấy mượn tiền nhằm xác nhận nợ, thời hạn trả và lãi suất, do đó nguyên đơn không còn lưu giữ chứng cứ về hụi, tiền vay, tiền nợ mua bán trái cây. Giấy mượn tiền ngày 06/01/2021 do bà H ghi, bà L ký xác nhận. Giấy mượn tiền ban đầu có ghi tên ông Mai Ngọc T nhưng do ông T không liên quan đến khoản nợ này nên không yêu cầu ông T ký tên. Ông T không liên quan đến các khoản nợ của bà L, mà là nợ của cá nhân bà L nên nguyên đơn đã thay đổi lời khai từ Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà L trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn hiểu rõ pháp luật về nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng nhưng nguyên đơn xác định không yêu cầu ông T liên đới trả nợ, mà chỉ yêu cầu cá nhân bà L trả nợ.

Bị đơn trình bày: bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn xác định không có tham gia chơi hụi, bà H cũng không là chủ hụi và không vay tiền bà H, mà bà L chỉ mua bán trái cây với bà H và nợ bà H 50.000.000 đồng. Ngày 06/01/2021, do bà L nghỉ không bán trái cây nữa nhưng còn nợ tiền bà H nên bà H và bà L chốt lại số tiền nợ bằng Giấy mượn tiền. Bà H lợi dụng bà L không biết chữ, không biết đọc nên đã ghi bà L nợ bà H tổng số tiền là 317.614.000 đồng. Bị đơn xác nhận Giấy mượn tiền là văn bản chốt tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn chỉ nợ nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, không phải 317.614.000 đồng. Bà L xác định nợ là của cá nhân bà L, không liên quan gì đến ông Mai Ngọc T hay nghĩa vụ chung của vợ chồng và ông T cũng không biết gì về nợ này, ông T có công việc riêng và việc mua bán trái cây của bà L cũng do bà L làm riêng, không liên quan đến ông Mai Ngọc T nên cá nhân bà L chịu trách nhiệm trả cho bà H tổng số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng. Bà L không có chứng cứ nào khác chứng minh chỉ nợ số tiền 50.000.000 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 317.614.000 đồng. Bị đơn thừa nhận Giấy mượn tiền là văn bản chốt số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không chứng minh được kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 25/5/2023, bị đơn là bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là kháng cáo trong hạn luật định.

Theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị H khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Ngọc T yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Mai Ngọc T liên đới trả nợ gốc là 317.614.000 đồng, tiền lãi là 42.348.533 đồng (bút lục 01). Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định đây là nợ cá nhân bà L, không liên quan đến ông Mai Ngọc T nên đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu cá nhân bà L trả nợ cho nguyên đơn. Đồng thời, bà L cũng xác định nợ cá nhân bà L, không liên quan đến ông T hay nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng nên cá nhân bà L chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H. Do đó, không cần thiết phải đưa ông Mai Ngọc T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị L:

[2.1] Theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 06/01/2021 có nội dung: *"Tên tôi: Nguyễn Thị L… tôi có mượn của cô Lê Thị H… số tiền là:*

1. 172.114.000đ (9/10/2018) dương lịch (một trăm bảy mươi hai triệu một trăm mười bốn ngàn đồng chẵn).

2. 74.500.000đ (9/10/2018) dương lịch (bảy mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng chẵn).

3. 22.000.000đ (30/8/2018) dương lịch (hai mươi hai triệu đồng chẵn).

4. 49.400.000đ (30/1/2019) (bốn mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn).

Hẹn trong một năm hoàn trả lại… Tổng số tiền là 317.614.000".

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận chữ viết là của bà Lê Thị H, chữ ký "H" và "Lê-Thị-H" là do bà H ký và viết ra; chữ ký "Lan" và chữ viết "Nguyễn Thị L" là do bà L ký và viết ra. Đồng thời, bà H và bà L đều thừa nhận "Giấy mượn tiền" đề ngày 06/01/2021 là văn bản chốt tiền bà L còn nợ bà H đến ngày 06/01/2021 và thỏa thỏa thuận thời hạn trả nợ, không phải là giấy vay tiền mới. Như vậy, đây là các tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Nguyên đơn cho rằng số tiền 317.614.000 đồng bao gồm tiền nợ hụi, nợ vay, nợ tiền mua bán trái cây của bà L còn nợ bà H và chứng cứ về từng phần tiền nợ nguyên đơn không còn giữ sau khi đã lập "Giấy mượn tiền" ngày

06/01/2021. Bị đơn cho rằng không có tham gia chơi hụi với nguyên đơn nên không có nợ tiền hụi, không có nợ tiền vay, mà bị đơn chỉ nợ nguyên đơn tiền mua bán trái cây với số tiền 50.000.000 đồng, không phải nợ số tiền 317.614.000 đồng, đồng thời, hàng tháng bị đơn còn trả tiền lãi 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tuy nhiên, lời khai của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không có giấy tờ, tài liệu hay chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của bị đơn nên không có căn cứ xem xét.

[2.3] Như vậy, bị đơn và nguyên đơn đã xác lập văn bản để nhằm xác nhận số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn đến ngày 06/01/2021 thể hiện tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 06/01/2021. Bị đơn đã ký xác nhận nợ là số tiền 317.614.000 đồng và thời hạn trả nợ là 01 năm nhưng bị đơn không thực hiện đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 317.614.000 đồng và lãi suất 42.348.533 đồng (tính kể từ ngày 07/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/5/2023 với mức lãi suất 10%/năm) là phù hợp.

[2.4] Bị đơn kháng cáo nhưng không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo không được chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005571 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- TAND huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Trúc